

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-11-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Minh**

2. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị Đ**, sinh năm A (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Dương Quốc Đ**, sinh năm: A (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 25/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G. Sau khi cưới, anh chị sống chung gia đình chồng được 02 năm thì ra sống riêng được 05 năm thì anh chị về cất nhà trên đất của cha mẹ chị cho để sống riêng cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên ăn nhậu về nhà kiếm chuyện chửi mắng chị, xé quần áo của chị và đập phá đồ đạc trong nhà, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh

Đ vẫn không thay đổi, anh Đ lại ra ngoài đường nói xấu chị lấy trai trong khi chị vô tội, chị không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Dương Thị Huyền T, sinh ngày B và Dương Tấn L, sinh ngày B, hiện đang sống chung với anh chị. Cháu T đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Quốc Đ vắng mặt, không có gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ, mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao con chung tên Dương Tấn L, sinh ngày B cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Quốc Đ vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Dương Quốc Đ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Quốc Đ.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ và anh Dương Quốc Đ có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ sa đọa vào những tệ nạn xã hội, thường xuyên ăn nhậu về nhà kiểem chuyện chửi mắng chị, xé quần áo của chị và đập phá đồ đạc, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ, cho thấy

anh Đ không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị, không tha thiết với cuộc hôn nhân này nữa. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh Đ là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Dương Thị Huyền T, sinh ngày B và Dương Tấn L, sinh ngày B. Ly hôn chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu L cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của cháu nên cần giao cháu L cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không có yêu cầu là có cơ sở được chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Chị Phạm Thị Đ có yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Đ và anh Dương Quốc Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Dương Tấn L, sinh ngày B cho chị Phạm Thị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Dương Quốc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị Đ không yêu cầu.

Anh Dương Quốc Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018654 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Phạm Thị Đ đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H.G;
- CC.THADS H.G;
- UBND xã T, H.G;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh